

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH
Bản án số: 05/2025/HS-ST
Ngày 16 – 01 – 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

2. Ông Vũ Tiến Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 242/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 09/01/1980, tại Thái Bình

Đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ A, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình;
Chỗ ở: số nhà A, ngõ G, đường P, tổ C, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình;
nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Việt T, đã chết và bà: Nguyễn Thị B, sinh năm 1959; chồng: Đỗ Mạnh H, sinh năm 1976; con: có 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 54 ngày 25/6/2011 của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T, xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, tịch thu 420.000 đồng đối với Nguyễn Thị Kim D, D đã chấp hành xong ngày 27/6/2011. Bản án số 78/2016/HSST ngày 10/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt Nguyễn Thị Kim D 04 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và hình phạt bổ sung ngày 02/7/2019. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/01/2022; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/10/2024 đến nay (*Có mặt tại phiên tòa*).

- Bị hại: Chị Phạm Thị Hương G, sinh năm 1971

Trú tại: số nhà A, ngõ A, đường L, tổ C, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (*vắng mặt*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đỗ Mạnh H, sinh năm 1976

Trú tại: số nhà 01/02, ngõ 78, đường Phan Bội Châu, tổ 3, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

2. Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1976

Trú tại: số nhà B, đường P, tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Anh H có mặt, chị N vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Anh Phạm Đức T1, sinh năm 1990

Trú tại: số nhà E, đường L, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Nguyễn Trọng H1, sinh năm 1973

Trú tại: số nhà B, đường P, tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1977

Trú tại: số nhà 53, tổ 13, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

4. Chị Phương Thị L, sinh năm 1983

Trú tại: tổ A, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình

(Những người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 10 phút ngày 20/9/2024, Nguyễn Thị Kim D đi một mình từ nhà đến trường tiểu học L2, địa chỉ đường Đ, tổ F, phường L, thành phố T đón con gái là Đỗ Khánh T3, sinh năm 2016 đang học tại trường. Trong lúc chờ cháu T3 tan học thì D gặp cháu Ngô Bảo M, sinh năm 2017, là cháu ngoại chị Phạm Thị Hương G, lúc này cháu M nhờ D gọi điện cho chị G đến trường đón cháu M về, D đồng ý và gọi điện cho chị G đến trường đón cháu. Khoảng 05 phút sau, D đứng ở đối diện cổng trường nhìn sang thấy chị Phạm Thị Hương G điều khiển xe máy điện biển số đăng ký 17MĐ9-171.88 trị giá 13.500.000 đồng đi đến. Chị G để xe máy điện ở dưới lòng đường sát vỉa hè, đối diện cổng trường trung học cơ sở Lê Hồng P rồi đi bộ vào trong sân trường đón cháu M. Lúc này, D nhớ đến chìa khóa xe máy điện mà D cầm nhầm của chị G cách đây 01 tháng được cài trong chùm chìa khóa nhà D đang giữ trong người nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên của chị G mang đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi quan sát chị G đã đi khuất tầm nhìn, xe máy điện không ai trông coi nên D đi lại gần xe, tay phải D cầm chiếc chìa khóa xe máy điện của chị G cho vào ổ khóa điện rồi vặn chìa khóa xuôi chiều kim đồng hồ thì hệ thống điện trên xe hoạt động. Lúc này, D điều khiển xe máy điện vừa trộm cắp đi đến cơ sở T4 cổ truyền hội người mù thành phố T, địa chỉ số nhà

B, ngõ E, đường T, phường L, thành phố T, mục đích cất giấu. D để xe máy điện ở trong sân của cơ sở tầm quất cổ truyền trên rồi quay lại trường tiểu học Lê Hồng P đón con gái về nhà. Sau đó, D quay lại cơ sở tầm quất cổ truyền hội người mù thành phố T lấy chiếc xe máy điện trộm cắp của chị G rồi điều khiển xe đi đến cửa hiệu cầm đồ “Hiệu Nhung” địa chỉ số nhà B, đường P, phường Q, thành phố T do chị Đỗ Thị N, sinh năm 1976 làm chủ. Khi đến nơi, D đưa cho chị N xem chiếc xe máy điện biển số 17MĐ9-171.88 và nói muốn cầm cố chiếc xe này lấy 6.000.000 đồng và hẹn một vài ngày D sẽ đến lấy lại xe. Sau khi xem xe chị N hỏi D về nguồn gốc chiếc xe thì D nói dối là xe của D, giấy tờ xe Dung để quên ở nhà, chị N đồng ý cho D cầm cố chiếc xe và làm hợp đồng cầm đồ. Sau đó, chị N sử dụng số tài khoản “0975349475” mở tại ngân hàng M1 mang tên Nguyễn Trọng H1 là chồng của chị N chuyển khoản số tiền 6.000.000 đồng đến số tài khoản “1803011979” của D mở tại ngân hàng T5, D để lại xe máy điện cùng chìa khóa xe rồi đi về. Sau đó, D đã nhờ và chuyển khoản vào tài khoản 7550113380007 mang tên Phạm Đức T1 mở tại ngân hàng M1 của anh Phạm Đức T1, sinh năm 1990, trú tại số nhà E đường L, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình số tiền 3.000.000 đồng và tài khoản 1028399594 mang tên Nguyễn Thị T2 mở tại ngân hàng V của chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1977, trú tại số nhà E, tổ A, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình số tiền 1.700.000 đồng, anh T1, chị T2 đã đưa cho D 4.700.000 đồng tiền mặt. Số tiền còn lại D đã chuyển khoản chi tiêu cá nhân hết.

- Bản Kết luận định giá tài sản số 30 ngày 03/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: *“Trị giá 01 xe máy điện Dibao; số loại: GOGOCROSS; màu sơn: xám; số QS60V800W230825306363; số khung: RL9Y2EHLSPAFC1526; được mua mới và đã sử dụng từ tháng 5/2024, thời điểm định giá ngày 20/9/2024 là: 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn)”*

Cáo trạng số 04/CT-VKSTPTB ngày 17/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố Nguyễn Thị Kim D về tội *“Trộm cắp tài sản”* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã nêu trong Cáo trạng.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội *“Trộm cắp tài sản”* và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra, còn đề nghị về nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đúng như nội dung cáo trạng, phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; Đơn trình báo; phiếu kê khai tài sản và biên bản ghi lời khai của người bị hại là Phạm Thị Hương G(bút lục 03; 05; 06 – 07;147-150); biên bản ghi lời khai của anh Đỗ Mạnh H, anh Phạm Đức T1, anh Nguyễn Trọng H1, chị Nguyễn Thị T2, chị Đỗ Thị N, chị Phương Thị L (Bút lục số 09-11; 174-187). Ngoài ra còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau:

- Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc và sơ đồ nơi xảy ra vụ việc trộm cắp tài sản do Công an phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình lập ngày 26/9/2024 (bút lục 17-19).

- Biên bản xác định hiện trường và sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Thái Bình lập ngày 30/10/2024 (bút lục 45 -47).

- Bản Kết luận định giá tài sản số 30 ngày 03/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự (bút lục 41).

- Bản Kết luận giám định số 1578 ngày 04/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: “Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh của 04 tập tin video gửi giám định; Diễn biến liên quan đến vụ án được trích xuất mô tả trong Phụ lục kèm theo Kết luận giám định” và Phụ L1 kèm theo Kết luận giám định (bút lục 97-109).

Cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận:Khoảng 16 giờ 10 phút ngày 20/9/2024 tại khu vực dưới lòng đường sát vỉa hè, đối diện cổng trường trung học cơ sở L2 thuộc đường Đ, tổ F, phường L, thành phố T, Nguyễn Thị Kim D có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Dibao, số loại: GOGOCROSS, màu sơn: xám, biển số

đăng ký 17MD9-171.88 trị giá 13.500.000 đồng của chị Phạm Thị Hương G mang cầm cố lấy 6.000.000 đồng chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Như vậy việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim D tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy : Lợi dụng sự sơ hở của chị Phạm Thị Hương G trong việc trông coi tài sản, bị cáo đã trộm cắp của chị G 01 chiếc xe máy điện với trị giá 13.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý lo lắng cho quần chúng nhân dân tại nơi xảy ra vụ án. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện là thể hiện ý thức coi thường pháp luật, do đó bị cáo phải chịu mức án nhất định, tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo có nhân thân xấu đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, từng bị kết án về tội “mua bán trái phép chất ma túy” nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà tiếp tục lấn sâu vào con đường phạm tội nên cần cân nhắc khi xem xét áp dụng hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã khắc phục số tiền 6.000.000 đồng cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thị N, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Qua phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời

sống xã hội trong một thời gian nhất định như mức mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị là phù hợp, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu nói chung.

Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe máy điện Dibao; số loại: GOGOCROSS; màu sơn: xám; số QS60V800W230825306363; số khung: RL9Y2EHLSPAFC1526, biển kiểm soát 17MĐ9-171.88 đã qua sử dụng và 01 đăng ký xe biển số 17MĐ-171.88, loại xe máy điện nhãn hiệu DIBAO, màu sơn xám, đăng ký xe mang tên Phạm Thị Hương G, cấp ngày 07/5/2024 xác định là tài sản hợp pháp của chị G. Ngày 10/10/2024, chị G có đơn xin lại tài sản nên ngày 21/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại chiếc xe trên cho chị G, chị G đã nhận lại xe và không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

- Đối 01 chìa khoá xe máy điện, phần thân trên có dòng chữ “YADI” là chìa khoá xe máy điện của chị G mà D cầm để thực hiện hành vi phạm tội. Chị G không có yêu cầu nhận lại chiếc chìa khoá này nên tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với 01 áo phông không cổ, ngắn tay, màu đen, có dải dây đen bên trái. Trên ngực áo có dòng chữ màu trắng “CELINE; 01; PARIS LES INVALIDES 5 PLACE VAUBAN; 28 SEPTEMBRE 2018, 20H30”; 01 quần dài màu đen; 01 mũ cối màu xanh lá cây là đồ dùng, trang phục của bị cáo Nguyễn Thị Kim D, tại phiên toà bị cáo không đề nghị nhận lại, giá trị sử dụng không đáng kể nên cần tịch thu tiêu huỷ.

- Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Kim D đã nhờ chồng là anh Đỗ Mạnh H trả cho chị Đỗ Thị N số tiền 6.000.000 đồng là tiền chị N nhận cầm cố chiếc xe máy điện Dibao; số loại: GOGOCROSS; màu sơn: xám, chị N đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu, đề nghị gì khác. Anh H cũng không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền anh đã khắc phục thay bị cáo nên cần ghi nhận.

[7] Đối với Đỗ Thị N là chủ tiệm cầm đồ, chị N có đầy đủ giấy tờ đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, quá trình cầm đồ chiếc xe máy điện trên chị N đã thực hiện đầy đủ các quy định về lập hợp đồng cầm đồ, phô tô lại giấy chứng minh nhân dân, vào sổ quản lý dịch vụ cầm đồ, chị N không biết việc chiếc xe là do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không xử lý đối với chị N.

Đối với anh Phạm Đức T1 và chị Nguyễn Thị T2 là những người mà D2 chuyển khoản để lấy tiền mặt, anh T1 và chị T2 không biết số tiền D chuyển khoản

là do D cầm cố tài sản trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không có căn cứ xử lý đối với anh T1 và chị T2.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim D tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Thị Kim D (thông qua chồng là anh Đỗ Mạnh H) đã trả cho chị Đỗ Thị N số tiền 6.000.000 đồng, chị N đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu, đề nghị gì khác. Ghi nhận việc anh Đỗ Mạnh H không yêu cầu bị cáo D phải hoàn trả số tiền anh H đã thay bị cáo khác phục cho chị Đỗ Thị N.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 01 chìa khoá xe máy điện, phần thân trên có dòng chữ “YADI”; 01 áo phông không cổ, ngắn tay, màu đen, có dải dây đen bên trái. Trên ngực áo có dòng chữ màu trắng “CELINE; 01; PARIS LES INVALIDES 5 PLACE VAUBAN; 28 SEPTEMBRE 2018, 20H30”; 01 quần dài màu đen; 01 mũ cối màu xanh lá cây (*Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 09 giờ 00 phút ngày 18/12/2024 tại Trụ sở Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình giữa Công an thành phố T và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình*).

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thị Kim D nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Nguyễn Thị Kim D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Mạnh H có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là chị Phạm Thị Hương G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thị N vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND Tp. Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT CA Tp. Thái Bình;
- Cơ quan THAHS CA Tp. Thái Bình;
- Trại tạm giam công an tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Chi cục THADS Tp. Thái Bình;
- UBND Kỳ Bá, Tp. Thái Bình;
- Lưu HS, HCTP.

Lê Thị Phụng